

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 55/2023/DS-ST

Ngày: 20/3/2023

V/v “ Tranh chấp thừa kế tài sản ”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Phương Lan

Bà Nguyễn Kim Thủy

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thu Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân quận Gò Vấp** tham gia phiên tòa: Bà Lê Duy Bảo Chinh – Kiểm sát viên.

Từ ngày 15 đến ngày 20 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 48/2021/DSST ngày 29 tháng 01 năm 2021 về việc: “ Tranh chấp thừa kế tài sản.” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXX-DS, ngày 02 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2023/QĐST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Phạm Hoàng Mỹ L, sinh năm 1987 và bà Phạm Hoàng Ngọc Ln, sinh năm 1990

Cùng địa chỉ: Số k đường V, phường H, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh - Là con ruột của ông Phạm Văn Tr, sinh năm 1960 (chết năm 2017)

Người đại diện theo ủy quyền của bà L và bà Ln : Bà Hoàng Thị Yến Ng, sinh năm 1983

Địa chỉ : Số h đường V, phường K, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh(Có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn :

1.Bà Phạm Thị T, sinh năm 1954(Vắng mặt).

Địa chỉ nơi thường trú cuối cùng: Số m (số cũ là q) đường V , phường K, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh .

2.Bà Phạm Thị Ph, sinh năm 1959(Vắng mặt).

Địa chỉ : Số q đường H, phường H, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1964(Vắng mặt);

Địa chỉ nơi thường trú cuối cùng: Số y (số cũ là p) đường V, phường H, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.Ông Phạm Văn Th, sinh năm 1967 (Vắng mặt).

Địa chỉ : Số y (số cũ là p) đường V, phường H, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :*

1/ Bà Nguyễn Thị Châu Ha, sinh năm 1965

Địa chỉ : Số k đường V, phường H, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền : Bà Hoàng Thị Yến Ng, sinh năm 1983

Địa chỉ : Số h đường V, phường K, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn xin vắng mặt) .

2/ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975(Vắng mặt)

3/ Bà Phạm Thanh M, sinh năm 1995(Vắng mặt)

4/ Ông Phạm Phú B, sinh năm 2003(Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số y (số cũ là p) đường V, phường H, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/01/2021; bản tự khai và các lần làm việc tại Tòa án Bà Phạm Hoàng Mỹ L và Phạm Hoàng Ngọc Ln cùng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Bà Hoàng Thị Yến Ng trình bày :

Bà Phạm Hoàng Ngọc Ln và Bà Phạm Hoàng Mỹ L là con ruột của ông Phạm Văn Tr, sinh năm 1960(chết năm 2017). Khi còn sống, ông bà nội của bà là ông Phạm Văn Đ và bà Hoàng Thị C có tạo lập được tài sản là căn nhà số y (số cũ là p) đường V, phường H, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, được Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất số 9706/2003 cấp ngày 13/8/2003(hiện nay ai giữ bản chính Giấy chứng nhận thì 2 bà không được biết) đến năm 2008, bà C chết và năm 2009, ông Đ chết nhưng không để lại di chúc. Ông Đ và bà C có 05 người con là: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1954; Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1964 (bà T và bà Đ hiện sinh sống ở Mỹ tôi không biết địa chỉ); Bà Phạm Thị Ph, sinh năm 1959; Ông Phạm Văn Tr, sinh năm 1960 là cha của 2 bà (chết năm 2017) và Ông Phạm Văn Th, sinh năm 1967.

Căn nhà này hiện nay Ông Phạm Văn Th và gia đình ông Th đang quản lý sử dụng. Tuy nhiên, sau nhiều lần 2 bà yêu cầu các cô, chú, bác chia cho một phần tài sản thừa kế mà đáng lẽ ra cha của 2 bà còn sống được hưởng nhưng chúng tôi nhận được sự trả lời là chúng tôi không có quyền thừa kế.

Vì vậy nay bà L và bà Ln làm đơn này yêu cầu Tòa án giải quyết: Yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của ông Phạm Văn Đ và bà Hoàng Thị C để lại theo pháp luật là căn nhà số y (số cũ là p) đường V, phường H, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh được Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và sử dụng đất số 9706/2003 cấp ngày 13/8/2003 (hiện do ông Th và gia đình ông Th đang quản lý và sử dụng) thành 5 phần bằng nhau. Trị giá căn nhà thực tế khoảng 25 tỷ đồng. Kỳ phần thừa kế của chúng tôi được hưởng là 1/5 căn nhà tương đương là 5 tỷ đồng.

Bà Phạm Hoàng Mỹ L – con ruột của ông Phạm Văn Tr(chết năm 2017) và Bà Nguyễn Thị Châu Ha trình bày tại bản tự khai ngày 26/02/2021:

Bà là con ruột của ông Phạm Văn Tr sinh năm 1960 chết năm 2017 và Bà Nguyễn Thị Châu Ha. Nguyên trước đây ông nội tôi là ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1933 chết năm 2009 và bà nội tôi là Hoàng Thị C, sinh năm 1934 chết năm 2008 có tạo dựng được căn nhà số 501(cũ là 279) Thống Nhất, Phường H, quận Gò Vấp được Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu và quyền sử dụng đất số 9706/2003 ngày 13/8/2003.

Ông nội tôi là ông Đ và bà C có 05 người con : Bà Phạm Thị T, sinh năm 1954; Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1964 (bà T và bà Đ hiện sinh sống ở Mỹ tôi không biết địa chỉ); Bà Phạm Thị Ph, sinh năm 1959; Ông Phạm Văn Tr, sinh năm 1960 (chết năm 2017) là bố tôi; Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1964 và Ông Phạm Văn Th, sinh năm 1967.

Khi ông Đ và bà C chết không để lại di chúc. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án chia thừa kế căn nhà số y (số cũ là p) đường V, phường H, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh thành 5 phần như nhau, tôi và bà Ln được hưởng 1/5 trị giá căn nhà trên. Tạm tính giá căn nhà là 25 tỷ đồng. Kỳ phần thừa kế của chúng tôi được hưởng là 5 tỷ đồng.

Bà Phạm Hoàng Ngọc Ln – con ruột của ông Phạm Văn Tr(chết năm 2017) và Bà Nguyễn Thị Châu Ha trình bày tại bản tự khai ngày 26/02/2021:

Tôi là con ruột của ông Phạm Văn Tr sinh năm 1960 chết năm 2017. và Bà Nguyễn Thị Châu Ha. Nguyên trước đây ông nội tôi tên Phạm Văn Đ, sinh năm 1933 chết năm 2009 và bà nội tôi tên Hoàng Thị C, sinh năm 1934 chết năm 2008 có tạo dựng được căn nhà số y đường V, phường H, quận Gò Vấp được Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu và quyền sử dụng đất số 9706/2003 ngày 13/8/2003

Ông bà nội tôi có 5 người con là : Bà Phạm Thị T, sinh năm 1954; Bà Phạm Thị Ph, sinh năm 1959; Ông Phạm Văn Tr, sinh năm 1960 (chết năm 2017) là bố tôi; Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1964 và Ông Phạm Văn Th, sinh năm 1967

Khi ông bà nội tôi chết không để lại di chúc. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án chia thừa kế căn nhà số y (số cũ là p) đường V, phường H, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh thành 5 phần như nhau và cha tôi được hưởng 1/5 trị giá căn nhà trên Tạm tính giá căn nhà là 25 tỷ đồng. Kỳ phần thừa kế của cha tôi được hưởng là 5 tỷ đồng.

-Ngày 06/5/2021, nguyên đơn có đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện:

Trước đây, ông nội chúng tôi là ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1933 (chết năm 2009) và bà Hoàng Thị C, sinh năm 1934 (chết năm 2008) có tạo lập được di sản thừa kế là căn nhà số y (số cũ là p) đường V, phường H, quận Gò Vấp , Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Đ và bà C có 05 người con là: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1954; Bà Phạm Thị Ph, sinh năm 1959; Ông Phạm Văn Tr, sinh năm 1960 là cha của 2 bà (chết năm 2017); Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1964 và Ông Phạm Văn Th, sinh năm 1967.

Tuy nhiên kể từ khi bà C chết vào năm 2008 và ông Đ chết năm 2009 thì toàn bộ căn nhà này Ông Phạm Văn Th, sinh năm 1967 sử dụng để ở sau đó đến năm 1994 ông Th lấy Bà Nguyễn Thị H làm vợ . Tại đây, ông Th và bà H sử dụng

căn nhà này làm tiệm hớt tóc và nơi sinh sống nhưng không trả cho những người đồng thừa kế tiền thuê nhà mà lẽ ra những người đồng thừa kế được hưởng.

Vì vậy, chúng tôi làm đơn này yêu cầu Tòa án buộc Ông Phạm Văn Th, sinh năm 1967 phải thanh toán cho các đồng thừa kế tiền thuê nhà từ tháng 9/2009 đến tháng 4/2021 như sau:

-Từ tháng 9/2009 đến tháng 9/2018 là 09 năm. Mỗi tháng cho thuê là 20.000.000 đồng/tháng. Như vậy tiền thuê nhà là 9 năm x 240.000.000 đồng/năm = 2.160.000.000 (Hai tỷ một trăm sáu mươi triệu đồng)

-Từ tháng 10/2018 đến tháng 4/ 2021 là 2 năm 6 tháng và giá thuê nhà là 50.000.000 đồng/tháng. Như vậy tiền thuê nhà là 2 năm 6 tháng x 50.000.000 đồng/ tháng = 1.500.000.000 đồng(Một tỷ năm trăm triệu đồng).

Tổng cộng ông Th phải trả cho các đồng thừa kế tiền thuê nhà là 2.160.000.000 đồng + 1.500.000.000 đồng = 3.660.000.000 đồng (Ba tỷ sáu trăm sáu mươi ngàn đồng) và chia 5 đồng thừa kế được hưởng là 732.000.000 đồng tiền thuê nhà.

-Tiền thuê nhà ông Th sẽ tiếp tục phải trả cho các đồng thừa kế từ tháng 5/2021 (nếu ông Th vẫn tiếp tục sử dụng căn nhà thừa kế trên) cho đến khi vụ kiện này giải quyết xong.

-Nếu ông Th không sử dụng nhà nữa phải giao trả nhà ngay cho các đồng thừa kế để các đồng thừa kế tiếp tục cho người khác thuê cho đến khi giải quyết xong vụ kiện thừa kế

Bà Nguyễn Thị Châu Ha- vợ của ông Phạm Văn Tr(chết năm 2017) là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày tại bản tự khai ngày 26/02/2021:

Tôi là vợ của ông Phạm Văn Tr sinh năm 1960 chết năm 2017. Chúng tôi có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận Gò Vấp ngày 21/8/1986 theo số 38, quyền số 01/1986. Tôi và Ông Tr có 02 con chung là Phạm Hoàng Mỹ L, sinh năm 1987 và Phạm Hoàng Ngọc Ln, sinh năm 1990. Hiện đang sinh sống tại địa chỉ số k đường V, phường H, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sinh thời cha chồng của tôi là Phạm Văn Đ, sinh năm 1933 chết năm 2009 và mẹ chồng tôi tên Hoàng Thị C, sinh năm 1934 chết năm 2008 có tạo dựng được căn nhà số y(cũ là p) đường V, Phường H, quận Gò Vấp được Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu và quyền sử dụng đất số 9706/2003 ngày 13/8/2003. Khi cha chồng và mẹ chồng tôi chết không để lại di chúc.

Ông Đ và bà C có 5 người con là : Bà Phạm Thị T, sinh năm 1954; Bà Phạm Thị Ph, sinh năm 1959; Ông Phạm Văn Tr, sinh năm 1960 (chết năm 2017) là chồng tôi; Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1964 và Ông Phạm Văn Th, sinh năm 1967

Nay tôi yêu cầu Tòa án chia thừa kế căn nhà số y (số cũ là p) đường V, phường H, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh thành 5 phần như nhau và chồng tôi được hưởng 1/5 trị giá căn nhà trên. Tạm tính giá căn nhà là 25 tỷ đồng. Kỳ phần thừa kế của chồng tôi được hưởng là 5 tỷ đồng.

Bà Hoàng Thị Yến Ng là đại diện ủy quyền của Bà Phạm Hoàng Mỹ L, Phạm Hoàng Ngọc Ln và Bà Nguyễn Thị Châu Ha trình bày tại bản tự khai ngày 26/02/2021:

Bà đồng ý với bản tự khai ngày 26/02/2021 của bà L, bà Ln và bà Ha và không có ý kiến gì thêm.

Bà Hoàng Thị Yến Ng là đại diện ủy quyền của Bà Phạm Hoàng Mỹ L, Phạm Hoàng Ngọc Ln và Bà Nguyễn Thị Châu Ha trình bày tại bản tự khai ngày 17/11/2021:

Theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 06/5/2021, bà L, bà Ln yêu cầu:

-Buộc Ông Phạm Văn Th, sinh năm 1967 phải thanh toán cho các đồng thừa kế tiền thuê nhà từ tháng 9/2009 đến tháng 4/2021 là 3.660.000.000 đồng (*Ba tỷ sáu trăm sáu mươi ngàn đồng*) và chia 5 đồng thừa kế được hưởng là 732.000.000 đồng tiền thuê nhà(Tiền thuê nhà từ tháng 9/2009 đến tháng 9/2018 mỗi tháng là 20.000.000 đồng/ tháng. Từ tháng 10/2018 đến tháng 4/2021 là 50.000.000 đồng)

-Tiền thuê nhà ông Th sẽ tiếp tục phải trả cho các đồng thừa kế từ tháng 5/2021 (nếu ông Th vẫn tiếp tục sử dụng căn nhà thừa kế trên) cho đến khi vụ kiện này giải quyết xong.

-Nếu ông Th không sử dụng nhà nữa phải giao trả nhà ngay cho các đồng thừa kế để các đồng thừa kế tiếp tục cho người khác thuê cho đến khi giải quyết xong vụ kiện thừa kế.

Bà Nguyễn Thị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày tại bản tự khai ngày 16/4/2021:

Bà và Ông Phạm Văn Th là vợ chồng từ năm 1993. Sau khi làm đám cưới tôi có ở căn nhà số y (số cũ là p) đường V, phường H, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh . Bà không tham gia đóng góp, tôn tạo vào căn nhà số

Bà Nguyễn Thị H là giám hộ của trẻ Phạm Phú B -người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày tại bản tự khai ngày 16/4/2021:

Bà là mẹ của Phạm Phú B, sinh ngày 15/11/2003 và Phạm Thanh M, sinh ngày 08/12/1995(đã trưởng thành) . Hai trẻ không tham gia đóng góp, tôn tạo vào căn nhà số y (số cũ là p) đường V, phường H, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

- Ngày 05/01/2023 bà L và bà Ln là nguyên đơn đã rút đơn bổ sung đơn yêu cầu khởi kiện ngày 06/5/2021 về việc yêu cầu Ông Phạm Văn Th thanh toán tiền thuê nhà.

-Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú của ông Phạm Văn Th tại địa chỉ số số y (số cũ là p) đường V, phường H, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số 80/2021/QĐ-CCTLCC ngày 01/3/2021 và Công an phường H, quận Gò Vấp trả lời xác minh: “Ông Phạm Văn Th, sinh năm 1967 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số y (số cũ là p) đường V, phường H, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh . Hiện nay đang cư ngụ tại địa chỉ số y (số cũ là p) đường V, phường H, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh”.

-Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú của Bà Phạm Thị Ph, sinh năm 1959 tại địa chỉ số q đường H, phường H, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số 81/2021/QĐ-CCTLCC ngày 01/3/2021 và Công an phường H, quận Gò Vấp trả lời xác minh: “Bà Phạm Thị Ph có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số q đường H, phường H, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh . Hiện còn cư trú tại địa chỉ trên”.

-Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú của Bà Phạm Thị Đ sinh năm 1964 tại địa chỉ số y (số cũ là p) đường V, phường H, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số 83/2021/QĐ-CCTLCC ngày 01/3/2021 và Công an phường H, quận Gò Vấp trả lời xác minh: “Bà Phạm Thị Đ sinh năm 1964 có đăng ký hộ khẩu tại địa chỉ z (số cũ) Thống Nhất, Phường H, quận Gò Vấp hiện số mới là số y đường V, Phường H, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 1996 đến năm 2000 thì cắt hộ khẩu và đi xuất cảnh sang Mỹ. Từ năm 2000 cho đến nay bà Đ không thực tế cư ngụ tại địa chỉ số y đường V, Phường H, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh”.

Tòa án tiến hành xác minh Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1964, hiện đã xuất cảnh hay chưa theo quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số 556/2021/QĐ-CCTLCC ngày 22/11/2021 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công An được biết: “Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1964, người Việt Nam ở nước ngoài đã xuất nhập cảnh 7 lần bằng thẻ thường trú nhân của Mỹ số A076090663 và AA090061. Lần gần nhất nhập cảnh ngày 10/8/2009 và xuất cảnh ngày 12/9/2009 qua cửa khẩu cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất. Hiện chưa có thông tin nhập cảnh”.

Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú của Bà Phạm Thị T, sinh năm 1954 tại địa chỉ Số m (số cũ là q) đường V , phường K, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số 168/2021/QĐ-CCTLCC ngày 22/3/2021 và Công an Phường K, quận Gò Vấp trả lời xác minh: “Bà Phạm Thị T, sinh năm 1954 có đăng ký hộ khẩu tại địa chỉ Số m (số cũ là q) đường V , phường K, quận Gò Vấp hiện không còn ở địa phương bán nhà hiện định cư tại Mỹ từ năm 2015”

Tòa án tiến hành xác minh Bà Phạm Thị T, sinh năm 1954 hiện đã xuất cảnh hay chưa hiện đã xuất cảnh hay chưa theo quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số 556/2021/QĐ-CCTLCC ngày 22/11/2021 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công An được biết: “Bà Phạm Thị T, sinh ngày 08/3/1954, thường trú tại số b đường H, Phường T, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, được cấp hộ chiếu số B4461716 ngày 06/9/2010. Đương sự đã xuất nhập cảnh 9 lần, lần gần nhất xuất cảnh ngày 14/10/2017. Hiện chưa có thông tin nhập cảnh”.

- Ngày 21/02/2022, Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ vụ án do cần đợi kết quả cung cấp tài liệu chứng cứ số 556/2021/QĐ-CCTLCC ngày 22/11/2021 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công An

- Ngày 04/4/2022, Tòa án ra quyết định tiếp tục giải quyết vụ án do ngày 01/4/2022, Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công An đã cung cấp chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án.

- Căn cứ vào xác minh của Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công An hiện bà T và bà Đ đang định cư tại Mỹ vì vậy Tòa án ra Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ số 554/2021/QĐ-CCTLCC ngày 22/11/2021; Quyết định số 413/2022/QĐ-CCTLCC và Quyết định số 415/2022/QĐ-CCTLCC cùng ngày 16/5/2022, yêu cầu nguyên đơn là bà L, bà Ln và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Ha và đại diện là bà Ng, cùng các đồng bị đơn là ông Th, bà P và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà H, bà M cung cấp địa chỉ của bà T, bà Đ tại Mỹ nhưng các đương sự không cung cấp được địa chỉ tại Mỹ của bà Đ và bà T nên ngày 07/9/2022 Tòa án nhân dân quận

Gò Vấp đã ra quyết định số 56/2022/QĐST-DS chuyển vụ án đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo thẩm quyền tuy nhiên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không nhận hồ sơ vụ án này vì lý do không có địa chỉ cụ thể của bà T và bà Đ tại Mỹ. Vì vậy, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp vẫn tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

-Tòa án tiến hành xác minh hiện căn nhà số y (số cũ là p) đường V, phường H, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh ai đứng tên chủ hộ và có bao nhiêu người đang tạm trú và mối quan hệ với chủ hộ theo theo quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số 84/2021/QĐ-CCTLCC ngày 01/3/2021 và Công an phường H, quận Gò Vấp trả lời xác minh: “Tại địa chỉ số y (số cũ là p) đường V, phường H, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh hiện có 04 nhân khẩu đăng ký thường trú do Ông Phạm Văn Th, sinh năm 1967 là chủ hộ; Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975 là vợ và Bà Phạm Thanh M, sinh năm 1995 và Ông Phạm Phú B, sinh năm 2003 là con ông Th”.

Tòa án cũng ra quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ số 413/2022/QĐ-CCTLCC; quyết định số 414/2022/QĐ-CCTLCC và quyết định số 415/2022/QĐ-CCTLCC cùng ngày 16/5/2022, yêu cầu nguyên đơn là bà L, bà Ln và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Ha và đại diện là bà Ng, cùng các đồng bị đơn là ông Th, bà Ph, bà T, bà Đ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà H, bà M cung cấp cho Tòa án bản di chúc hợp pháp của ông Đ và bà C và ai hiện nay đang giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 9706/2003 do Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp cấp cho ông Phạm Văn Đ và bà Hoàng Thị C ngày 13/8/2003. Tuy nhiên các đương sự không cung cấp được cho Tòa án.

Ngày 06/6/2022, Tòa án cùng các cơ quan chức năng cũng đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và đo vẽ tại nhà số y (số cũ là p) đường V, phường H, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Tuy nhiên Ông Phạm Văn Th là bị đơn chống đối không cho Tòa án và các cơ quan chức năng vào trong nhà để xem xét thẩm định tại chỗ do đó Tòa án không thẩm định tại chỗ được.

Ngày 15/8/2022 nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và cùng ngày Tòa án ra quyết định số 11/2022/QĐ-BPKCTT buộc Ông Phạm Văn Th phải mở cửa và không có hành vi ngăn cản cơ quan chức năng chuyên môn vào trong căn nhà đo vẽ và thẩm định tại chỗ ngày 05/9/2022. Tuy nhiên ông Th vẫn chống đối không cho Tòa án và các cơ quan chức năng vào trong nhà để xem xét thẩm định tại chỗ do đó Tòa án không xem xét thẩm định tại chỗ và đo vẽ căn nhà số y (số cũ là p) đường V, phường H, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ 2 được.

Ngày 18/11/2022, Tòa án ra quyết định xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản căn nhà số y (số cũ là p) đường V, phường H, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, tuy nhiên đây là lần thứ 3, Ông Phạm Văn Th là bị đơn chống đối không cho Tòa án và các cơ quan chức năng vào trong nhà để xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản do đó Tòa án không thẩm định tại chỗ và định giá tài sản được.

Do 03 lần Tòa án không xem xét thẩm định tại chỗ được và 02 lần không định giá được tại căn nhà số y (số cũ là p) đường V, phường H, quận Gò

Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh do Ông Phạm Văn Th ngăn cản chống đối không cho vào trong căn nhà vì vậy ngày 30/12/2022, Hội đồng định giá tiến hành định giá căn nhà số y (số cũ là p) đường V, phường H, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp để tiếp tục giải quyết vụ án.

- Ngày 09/01/2023, Tòa án tiến hành đăng thông báo thụ lý vụ án, thông báo bổ sung vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập cho ông Th, bà H, bà Ph, bà Đ, bà M, bà T trên cổng thông tin điện tử của Tòa án Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ngày 03/02/2023, Tòa án tiến hành đăng quyết định đưa vụ án ra xét xử; thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập trên cổng thông tin điện tử của Tòa án Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Th, bà H, bà Ph, bà Đ, bà M, bà T nhưng các ông bà đều vắng mặt.

Tòa án đã tiến hành triệu tập đương sự Ông Phạm Văn Th, Bà Phạm Thị Ph, Bà Phạm Thị T, Bà Phạm Thị Đ, Bà Nguyễn Thị H, Bà Phạm Thanh M và Ông Phạm Phú B đến Tòa án để làm bản tự khai và cung cấp tài liệu chứng cứ. Tuy nhiên chỉ có bà H đến Tòa án làm bản tự khai duy nhất 1 lần còn ông Th, bà Ph, bà T, bà Đ, bà M và ông B không đến mặc dù Tòa án đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho ông Th, bà Ph, bà T, bà Đ, bà H, bà M và ông B hợp lệ theo quy định pháp luật.

Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng Ông Phạm Văn Th, Bà Phạm Thị Ph, Bà Phạm Thị T, Bà Phạm Thị Đ, Bà Nguyễn Thị H, Bà Phạm Thanh M và Ông Phạm Phú B không đến vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được mặc dù Tòa án đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho ông Th, bà Ph, bà T, bà Đ, bà H, bà M và ông B hợp lệ theo quy định pháp luật. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay:

-Bà Hoàng Thị Yến Ng đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tuy nhiên bà vẫn giữ yêu cầu Tòa án chia thừa kế căn nhà số y (số cũ là p) đường V, phường H, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Phạm Văn Đ và bà Hoàng Thị C thành 5 phần như nhau và bà L và bà Ln (là con ruột Ông Tr) được hưởng 1/5 trị giá căn nhà trên. Tạm tính giá căn nhà là 25 tỷ đồng. Kỳ phần thừa kế của bà L, bà Ln và bà Ha được hưởng là 5 tỷ đồng.

-Nguyên đơn vẫn yêu cầu rút đơn khởi kiện bổ sung ngày 05/01/2023;

-Đối với số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản Nguyên đơn tự nguyện chịu.

- Ông Phạm Văn Th, Bà Phạm Thị Ph, Bà Phạm Thị T, Bà Phạm Thị Đ, là bị đơn; Bà Nguyễn Thị H, Bà Phạm Thanh M và Ông Phạm Phú B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 BLTTDS năm 2015. Cụ thể như sau:

- + Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp.
- + Tổng đạt cho các đương sự đúng quy định quy định tại Điều 175 Bộ luật TTDS năm 2015.
- + Tiến hành phiên hòa giải đúng quy định tại Điều 208 Bộ luật TTDS năm 2015.
- + Thời hạn chuẩn bị xét xử: chưa đúng quy định tại Điều 203 BLTTDS 2015.
- + Quyết định đưa vụ án ra xét xử được thực hiện đúng theo qui định tại Điều 220 Bộ luật TTDS năm 2015.
- + Việc thực hiện hoãn phiên tòa đúng theo quy định tại Điều 233 BLTTDS 2015.
- + Việc gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho VKS nghiên cứu đảm bảo thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật TTDS năm 2015.

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:*

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- + Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS
- + Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS
- + Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 73 BLTTDS

II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế theo pháp luật là căn nhà số y (số cũ là p) đường V, phường H, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh được Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất số 9706/2003 cấp ngày 13/08/2003 là di sản của ông Phạm Văn Đ và bà Hoàng Thị C để lại. (hiện do ông Th quản lý và sử dụng) thành 05 phần như nhau. Trị giá căn nhà thực tế khoảng 25 tỷ đồng.

** Về di sản thừa kế:*

Tòa án xác minh được thông tin về di sản thừa kế như sau:

Căn cứ theo công văn trả lời số 388/CNGV ngày 08/02/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai quận Gò Vấp thì nhà đất tại địa chỉ số y (số cũ là p) đường V, phường H, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh được Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp thuộc thửa đất số 60, tờ bản đồ số 55 do ông Phạm Văn Đ và bà Hoàng Thị C là chủ sở hữu theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất số 9706/2003 cấp ngày 13/08/2003. Qua kiểm tra cơ sở dữ liệu hiện có, không thấy thể hiện thông tin khác liên quan đến nhà đất nêu trên.

** Về hàng thừa kế của ông Phạm Văn Đ và bà Hoàng Thị C:*

Căn cứ trích lục khai tử số 04/TLKT-BS ngày 02/01/2018 xác định bà C sinh ngày 26/11/1934 và chết ngày 15/09/2008. Căn cứ trích lục khai tử số 96/2021/TLKT-BS ngày 25/01/2021 xác định ông Đ sinh ngày 1/11/1933 và chết ngày 19/08/2009. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã ra quyết định yêu cầu nguyên đơn và bị đơn cung cấp di chúc của ông bà nếu có. Tuy nhiên, bị đơn không cung cấp và không có ý kiến phản hồi. Nguyên đơn xác định ông Đ và bà C không có di chúc nên không thể cung cấp cho Tòa án. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 650 Bộ luật dân sự 2015 thì trong trường hợp người chết không để lại di chúc thì sẽ thực hiện chia thừa kế theo pháp luật.

Căn cứ Điều 651 BLDS năm 2015 xác định hàng thừa kế thứ nhất trong trường hợp thừa kế theo pháp luật bao gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết.

Theo lời khai của nguyên đơn là Bà Phạm Hoàng Mỹ L và Phạm Hoàng Ngọc Ln thì hàng thừa kế thứ nhất của ông Đ và bà C hiện còn sống gồm có các con đẻ là Bà Phạm Thị Ph sinh năm 1959 (Giấy khai sinh số 253), Phạm Thị Đ sinh năm 1964 (Giấy khai sinh số 00744), Phạm Văn Th sinh năm 1967 (Giấy khai sinh số 01232). Cha đẻ, mẹ đẻ của ông Đ và bà C hiện không còn (Nguyên đơn không cung cấp trích lục khai tử của cha đẻ, mẹ đẻ của ông Đ và bà C).

Qua xác minh của Tòa án, xác minh được cụ cố nội của nguyên đơn (Cha, mẹ ông Đ) là ông Phạm Văn Hg sinh năm 1903, mất ngày 14/04/1981; bà Nguyễn Thị Cg sinh năm 1904, mất ngày 12/06/1985. Còn riêng về thông tin cụ cố ngoại (Cha, mẹ của bà C) thì nguyên đơn trình bày là đã chết, không xác định được thông tin.

Riêng Bà Phạm Thị T sinh năm 1954, Tòa án đã gửi công văn đến Ủy ban nhân dân Phường K, Ủy ban nhân dân Phường H, Ủy ban nhân dân xã P tỉnh B, Phòng tư Pháp quận Gò Vấp và Sở Tư Pháp Thành phố Hồ Chí Minh nhưng các cơ quan trên đều có công văn trả lời không tìm thấy thông tin khai sinh của Bà Phạm Thị T. Sau đó, Tòa án đã gửi Công văn đến Đội quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an quận Gò Vấp đề yêu cầu trích lục hộ khẩu và cung cấp thông tin bản khai nhân khẩu của Bà Phạm Thị T. Đội quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an quận Gò Vấp đã cung cấp bản phô tô bản khai nhân khẩu của Bà Phạm Thị T trong đó có phần tự khai mối quan hệ thân thân của bà. Tại bản khai nhân khẩu này thể hiện Bà Phạm Thị T có cha là ông Phạm Văn Đ, mẹ là bà Hoàng Thị C, các em là Phạm Thị Ph, Phạm Thị Đ, Phạm Văn Tr và Phạm Văn Th. Đồng thời, nguyên đơn – Bà Phạm Hoàng Mỹ L và Phạm Hoàng Ngọc Ln cũng thừa nhận Bà Phạm Thị T là một trong các người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Đ và bà C. Do đó, có đủ căn cứ chứng minh Bà Phạm Thị T là con của ông Phạm Văn Đ, bà Hoàng Thị C.

Như vậy, hàng thừa kế thứ nhất của ông Đ trong trường hợp này gồm: con đẻ là Phạm Thị T sinh năm 1954, Phạm Thị Ph sinh năm 1959, Phạm Thị Đ sinh năm 1964, Phạm Văn Th sinh năm 1967, Ông Phạm Văn Tr sinh năm 1960 (chết năm 2017)

Hàng thừa kế thứ nhất của bà C trong trường hợp này gồm con đẻ: Phạm Thị T sinh năm 1954, Phạm Thị Ph sinh năm 1959, Phạm Thị Đ sinh năm 1964, Phạm

Văn Th sinh năm 1967, Ông Phạm Văn Tr (chết năm 2017)

*** Về hàng thừa kế của ông Phạm Văn Tr:**

Ông Phạm Văn Tr là con đẻ của bà Hoàng Thị C và ông Phạm Văn Đ (Giấy khai sinh số 398). Ông Tr đã chết ngày 27/07/2017 (theo trích lục khai tử số 95/2021/TLKT-BS ngày 25/01/2021) và không để lại di chúc.

Vì ông Phạm Văn Tr đã chết và không để lại di chúc, do đó căn cứ điểm a khoản 1 Điều 650 Bộ luật dân sự 2015, áp dụng chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản do Ông Tr để lại.

Cha, mẹ đẻ của Ông Tr là ông Phạm Văn Đ và bà Hoàng Thị C đều đã chết (Căn cứ trích lục khai tử số 04/TLKT-BS ngày 02/01/2018 xác định bà C sinh ngày 26/11/1934 và chết ngày 15/09/2008. Căn cứ trích lục khai tử số 96/2021/TLKT-BS ngày 25/01/2021 xác định ông Đ sinh ngày 1/11/1933 và chết ngày 19/08/2009).

Vợ của Ông Tr là Bà Nguyễn Thị Châu Ha. Ông Tr và bà Ha có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường H quận Gò Vấp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 38 quyền số 01/86.

Ông Tr có hai con là Bà Phạm Hoàng Mỹ L (Bản sao Giấy khai sinh số 212/87 ngày 19/12/1987) và bà Phạm Hoàng Ngọc Ln (Bản sao Giấy khai sinh số 24 ngày 30/01/1990).

Như vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự 2015 thì hàng thừa kế thứ nhất của Ông Tr trong trường hợp này gồm: vợ là Bà Nguyễn Thị Châu Ha, con đẻ là Bà Phạm Hoàng Mỹ L và Phạm Hoàng Ngọc Ln.

*** Phân chia di sản thừa kế:**

Di sản thừa kế của ông Phạm Văn Đ và bà Hoàng Thị C là nhà đất tại địa chỉ số y (số cũ là p) đường V, phường H, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh được Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp thuộc thửa đất số 60, tờ bản đồ số 55, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số 9706/2003 cấp ngày 13/08/2003.

Căn cứ biên bản định giá tài sản ngày 30/12/2022, vì Ông Phạm Văn Th từ chối cho Hội đồng định giá vào nhà để định giá tài sản; do đó, Hội đồng định giá tiến hành định giá trên Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 9706/2003 cấp ngày 13/08/2003 xác định giá trị căn nhà là 16.849.275.849 đồng. Nguyên đơn đồng ý với kết quả định giá của Hội đồng định giá, bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến đối với kết quả định giá trên và cũng không đến Tòa theo giấy triệu tập, không cung cấp các tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Như đã phân tích ở trên, hàng thừa kế thứ nhất của ông Phạm Văn Đ và bà Hoàng Thị C gồm các ông bà: Phạm Thị T, Phạm Thị Ph, Phạm Thị Đ, Phạm Văn Th, Ông Phạm Văn Tr. Căn cứ khoản 2 Điều 651 Bộ luật dân sự 2015 thì những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau, do đó, phân chia di sản thừa kế của ông Phạm Văn Đ và bà Hoàng Thị C thành 5 phần.

Nhận thấy, Ông Phạm Văn Th là người đang trực tiếp quản lý và sử dụng di sản nhưng ông Th không đến Tòa án để đưa ra ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn, ông Th cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh về việc ông có tôn tạo,

đóng góp gì đối với di sản thừa kế hay không. Do đó, trong trường hợp này, không xem xét đến chi phí bảo quản di sản của người đang trực tiếp quản lý và sử dụng di sản.

Như vậy, các ông Bà Phạm Thị T, Phạm Thị Ph, Phạm Thị Đ, Phạm Văn Th, Ông Phạm Văn Tr được hưởng mỗi người 1/5 giá trị di sản tương đương 3.369.855.168 đồng.

Ông Phạm Văn Tr là con đẻ của bà Hoàng Thị C và ông Phạm Văn Đ (Giấy khai sinh số 398). Ông Tr đã chết ngày 27/07/2017 (theo trích lục khai tử số 95/2021/TLKT-BS ngày 25/01/2021) và không để lại di chúc. Hàng thừa kế thứ nhất của Ông Tr gồm có vợ là Bà Nguyễn Thị Châu Ha, con đẻ là Bà Phạm Hoàng Mỹ L và Phạm Hoàng Ngọc Ln.

Ông Phạm Văn Tr có tài sản để lại là phần di sản được hưởng từ ông Đ và bà C. Vợ và các con của Ông Tr là những người được hưởng di sản mà Ông Tr để lại.

Như vậy, Bà Nguyễn Thị Châu Ha, Bà Phạm Hoàng Mỹ L và Phạm Hoàng Ngọc Ln (là vợ và các con của Ông Tr) được hưởng thừa kế chuyển tiếp phần di sản mà Ông Tr được hưởng từ di sản của ông Đ và bà C. Do đó, Bà Phạm Hoàng Mỹ L và Phạm Hoàng Ngọc Ln có quyền được khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế của ông Phạm Văn Đ và bà Hoàng Thị C thành 5 phần bằng nhau. Theo đó, Bà Nguyễn Thị Châu Ha, Bà Phạm Hoàng Mỹ L và Phạm Hoàng Ngọc Ln sẽ được hưởng phần di sản thừa kế của Ông Tr để lại tương đương 1/5 giá trị di sản Ông Tr được hưởng thừa kế từ cha mẹ.

Từ những phân tích trên, có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế theo pháp luật là căn nhà số y (số cũ là p) đường V, phường H, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh được Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất số 9706/2003 cấp ngày 13/08/2003 là di sản của ông Phạm Văn Đ và bà Hoàng Thị C để lại thành 05 phần như nhau.

Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung trong đơn khởi kiện đề ngày 06/05/2021; nguyên đơn đã có đơn xin rút toàn bộ phần yêu cầu khởi kiện vào ngày 05/01/2023. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ đối với toàn bộ phần yêu cầu bổ sung này.

Bởi các lẽ trên,

- Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ điều 649, Điều 650, Điều 651 Bộ luật Dân sự 2015;
- Căn cứ Luật thi hành án dân sự;
- Căn cứ Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế theo pháp luật là căn nhà số y (số cũ là p) đường V, phường H, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh được Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp cấp Giấy chứng

nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất số 9706/2003 cấp ngày 13/08/2003 là di sản của ông Phạm Văn Đ và bà Hoàng Thị C để lại thành 05 phần như nhau. Các đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung mà nguyên đơn xin rút bao gồm các yêu cầu: buộc Ông Phạm Văn Th phải thanh toán cho các đồng thừa kế tiền thuê nhà từ tháng 9/2009 đến tháng 4/2021 là 3.660.000.000 (Ba tỷ sáu trăm sáu mươi sáu triệu đồng) và chia đều cho 5 đồng thừa kế mỗi đồng thừa kế được hưởng là 732.000.000 đồng. Đình chỉ đối với yêu cầu nếu ông Th không tiếp tục sử dụng nhà nữa phải giao trả nhà ngay cho các đồng thừa kế để các đồng thừa kế tiếp tục cho người khác thuê cho đến khi giải quyết xong.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết :

[1.1] *Về quan hệ pháp luật* : Nguyên đơn khởi kiện bị đơn chia thừa kế căn nhà số y (số cũ là p) đường V, phường H, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Phạm Văn Đ và bà Hoàng Thị C (là ông bà Nội của nguyên đơn) chết để lại do đó Hội đồng xét xử có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “ Tranh chấp thừa kế tài sản” theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án :

-Đối với bị đơn Phạm Văn Th, Phạm Thị Đ có nơi cư trú cuối cùng tại số y (số cũ là p) đường V, phường H, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh; bị đơn Phạm Thị Ph có nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ số q đường H, phường H, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh; bị đơn Phạm Thị T có nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ Số m (số cũ là q) đường V , phường K, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh . Do đó Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Tranh chấp thừa kế tài sản ” thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

-Đối với bị đơn Phạm Thị Đ có hộ khẩu thường trú cuối cùng tại số 501(số cũ là 279) Thống Nhất, phường H, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh; bị đơn Phạm Thị T có hộ khẩu thường trú cuối cùng tại địa chỉ Số m (số cũ là q) đường V , phường K, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh .và hiện nay bà Đ và T đang định cư tại Mỹ và nguyên đơn không biết địa chỉ cụ thể của bà T, bà Đ tại Mỹ và bị đơn cùng người có quyền lợi liên quan cũng không cung cấp địa chỉ cụ thể tại Mỹ của bà T và bà Đ ; Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ nhưng vẫn không có địa chỉ cụ thể của bà T, bà Đ tại Mỹ do đó ngày 07/9/2022 Tòa án nhân dân quận Gò Vấp đã ra quyết định số 56/2022/QĐST-DS chuyển vụ án đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo thẩm quyền tuy nhiên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không nhận hồ sơ vụ án này vì lý do không có địa chỉ cụ thể của bà T và bà Đ tại Mỹ. Vì vậy căn cứ vào điểm a khoản 3 điều 6 Nghị Quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Tòa án

nhân dân Tối Cao quy định, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp vẫn tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[1.3] *Về thủ tục tố tụng :*

- Bị đơn Ông Phạm Văn Th, Bà Phạm Thị Ph, Bà Phạm Thị T, Bà Phạm Thị Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bà Nguyễn Thị H, Bà Phạm Thanh M đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Bà Hoàng Thị Yến Ng đại diện nguyên đơn và đại diện cho bà Ha là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Ng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.4] *Về thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế:*

Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1933 chết năm 2009, theo trích lục giấy khai tử số 96/2021/TLKT- BS ngày 25/01/2021 của Ủy ban nhân dân phường H, quận Gò Vấp bà Hoàng Thị C, sinh năm 1934 chết năm 2008 theo trích lục giấy khai tử số 04/TLKT- BS ngày 02/01/2018 của Ủy ban nhân dân phường H, quận Gò Vấp . Ngày 28/01/2021, Tòa án nhận được đơn khởi kiện của Nguyên đơn đề ngày 28/01/2021, theo quy định tại Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu người yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản kể từ thời điểm mở thừa kế do đó nguyên đơn khởi kiện chia di sản thừa kế nộp đơn ngày 28/01/2021 tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp vẫn còn thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế .

[2] *Về nội dung:*

Xét yêu cầu của Nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào bản tự khai ngày 26/02/2021 của nguyên đơn là bà L và bà Ln và bà Ha là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đại diện là Bà Hoàng Thị Yến Ng thừa nhận: Khi ông Đ và bà C chết không để lại di chúc.

- Tòa án cũng ra quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ số 413/2022/QĐ-CCTLCC; quyết định số 414/2022/QĐ-CCTLCC và quyết định số 415/2022/QĐ-CCTLCC cùng ngày 16/5/2022, yêu cầu nguyên đơn là bà L, bà Ln và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Ha và đại diện là bà Ng, cùng các đồng bị đơn là ông Th, bà Ph, bà T, bà Đ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà H, bà M cung cấp cho Tòa án bản di chúc hợp pháp của ông Phạm Văn Đ và bà Hoàng Thị C. Tuy nhiên các đương sự không cung cấp được bản di chúc nào cho Tòa án.

Từ những phân tích như trên Hội đồng xét xử có căn cứ điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là những tình tiết chứng cứ không phải chứng minh và Điều 650 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định những trường hợp thừa kế theo pháp luật là không có di chúc. Khi ông Đ và bà C chết không để lại di chúc. Do đó di sản của ông Đ và bà C để lại được chia theo pháp luật.

[2.1]. *Về di sản thừa kế của ông Đ và bà C :*

Theo đơn khởi kiện ngày 28/01/2021 nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế là căn nhà: số y (số cũ là p) đường V, phường H, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ

Chí Minh, thuộc thửa đất số 60, tờ bản đồ số 55 được Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp cấp Giấy chứng nhận số 9706/2003 cho ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1933 và bà Hoàng Thị C, sinh năm 1934 vào ngày 13 tháng 8 năm 2003.

Căn cứ Công văn số: 37/TAGV ngày 01/02/2021 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp về việc xác minh và trích lục giấy chứng nhận gửi đến Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh quận Gò Vấp. Ngày 08/02/2021, Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh quận Gò Vấp gửi cho Tòa án công văn số 388/CNGV có nội dung: “Theo hồ sơ lưu trữ được biết nhà và đất địa chỉ p (số cũ là z) đường V, phường H, quận Gò Vấp thuộc thửa đất số 60 tờ bản đồ số 55 do ông Phạm Văn Đ và bà Hoàng Thị C theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 9706/2003 ngày 13/8/2003 do Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp cấp. Qua kiểm tra cơ sở dữ liệu hiện có, không thấy thể hiện thông tin khác có liên quan đến nhà đất nêu trên”;

Căn cứ quyết định số 9743/CN-UBND ngày 06/9/2012 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp thì số nhà cũ p đường V, phường H, quận Gò Vấp được mang số mới là y đường Thống Nhất, phường H, quận Gò Vấp

Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ Điều 612 Bộ luật dân sự năm 2015 về di sản thừa kế thì tài sản là nhà và đất tại địa chỉ số y(số cũ là p) đường V, phường H, quận Gò Vấp, thuộc thửa đất số 60, tờ bản đồ số 55 là tài sản chung của vợ chồng ông Phạm Văn Đ và bà Hoàng Thị C theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 9706/2003 ngày 13/8/2003 do Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp cấp và khi ông Đ và bà C chết thì nhà và đất tại địa chỉ số y(số cũ là p) đường V, phường H, quận Gò Vấp là di sản thừa kế của ông Đ và bà C .

[2.2] Thời điểm mở thừa kế của ông Đ và bà C:

- Căn cứ bản sao Giấy khai tử do Ủy ban nhân dân phường H, quận Gò Vấp cấp số 96/2021/TLKT-BS ngày 25/01/2021 cho ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1933 chết ngày 08/8/2009. Theo quy định tại khoản 1 Điều 611 Bộ luật dân sự 2015 thì thời điểm mở thừa kế của ông Đ là vào ngày 08/8/2009;

Căn cứ bản sao Giấy khai tử Ủy ban nhân dân phường H, quận Gò Vấp cấp số 04/TLKT-BS ngày 02/01/2018 cho bà Hoàng Thị C, sinh năm 1934 chết ngày 13/9/2008. Theo quy định tại khoản 1 Điều 611 Bộ luật Dân sự 2015 thì thời điểm mở thừa kế của bà C là vào ngày 13/9/2008.

[2.3] Về hàng thừa kế theo pháp luật của ông Phạm Văn Đ và bà Hoàng Thị C :

**Về hàng thừa kế thứ nhất cha, mẹ của ông Phạm Văn Đ:*

- Căn cứ vào bản tự khai ngày 26/02/2021 của nguyên đơn là bà L và bà Ln và bà Ha là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đại diện là Bà Hoàng Thị Yến Ng thừa nhận: Theo gia phả tại nhà thờ họ ở Cẩm Đường, Long Thành, Đồng Nai và di bản ảnh chụp lại thì ông Cố Nội bà L và bà Ln là Phạm Văn Hg, sinh năm 1903 và chết ngày 14/4/1981 và bà Cố Nội là Nguyễn Thị Cg, sinh năm 1904 và chết ngày 12/6/1985.

-Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 22/02/2022 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp và của Ủy ban nhân dân phường 14, quận Gò Vấp về việc đăng ký khai tử của ông Phạm Văn Hg, sinh năm 1903 và Nguyễn Thị Cg, sinh năm 1904 được

biết: “ Do Ủy ban nhân dân phường 14, quận Gò Vấp tách ra từ Phường T ngày 01/01/2007 đến nay do vậy sổ bộ lưu hộ tịch từ ngày 01/01/2007 đến nay không có tin của ông Phạm Văn Hg, sinh năm 1903 và bà Nguyễn Thị Cg, sinh năm 1904”.

Như vậy Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015 thì hàng thừa kế thứ nhất là cha mẹ của ông Phạm Văn Đ đều đã chết trước ông Đ.

**Về hàng thừa kế thứ nhất cha, mẹ của bà Hoàng Thị C:*

- Căn cứ vào bản tự khai ngày 26/02/2021 của nguyên đơn là bà L và bà Ln và bà Ha là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đại diện là Bà Hoàng Thị Yến Ng thừa nhận: “ Còn đối với thông tin cụ Cố Ngoại (cha và mẹ bà Hoàng Thị C) thì chỉ biết là đã chết.”

Căn cứ vào công văn số: 105/TAQGV ngày 28/7/2022 và trả lời xác minh của Công an quận Gò Vấp được biết tại bản tự khai NK1 ngày 17/6/1988(có chữ ký của ông Phạm Văn Tr là người viết hộ bà C) bà Hoàng Thị C khai: Chồng là Phạm Văn Đ, sinh năm 1933 và các con của ông bà là : Bà Phạm Thị T , sinh năm 1955(có sửa), Bà Phạm Thị Ph, sinh năm 1959; ông Phạm Văn Tr, sinh năm 1960 ; Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1964 và Ông Phạm Văn Th, sinh năm 1967; bà Hoàng Thị C không có khai cha, mẹ, anh em nên Tòa án không thể có chứng cứ để xác minh về cha và mẹ bà Hoàng Thị C. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là những chứng cứ không phải chứng minh thì bản tự khai của bà L, bà Ln và bà Ha có bà Ng đại diện xác định hàng thừa kế thứ nhất là cha mẹ của bà Hoàng Thị C đều đã chết.

** Về hàng thừa kế thứ nhất của ông Phạm Văn Đ và bà Hoàng Thị C:*

- Căn cứ bản sao Giấy khai tử do Ủy ban nhân dân phường H, quận Gò Vấp cấp số 96/2021/TLKT-BS ngày 25/01/2021 cho ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1933 chết ngày 08/8/2009; bản sao Giấy khai tử số 04/TLKT-BS ngày 02/01/2018 cho bà Hoàng Thị C, sinh năm 1934 chết ngày 13/9/2008 .

-Căn cứ vào công văn số: 105/TAQGV ngày 28/7/2022 và trả lời xác minh của Công an quận Gò Vấp được biết tại bản tự khai NK1 ngày 11/9/1975 của ông Phạm Văn Đ thì ông Đ có khai bà Hoàng Thị C, sinh năm 1934 là vợ và các con của ông bà là Phạm Thị T , sinh năm 1954, Phạm Thị Ph, sinh năm 1959; Phạm Văn Tr, sinh năm 1960; Phạm Thị Đ, sinh năm 1964 và Phạm Văn Th, sinh năm 1967;

Căn cứ vào giấy chứng nhận hộ khẩu thường trú số 160231 ngày 10/3/1982 ; hộ khẩu số 160231 ngày 13/02/1996 của Công an quận Gò Vấp cấp cho ông Phạm Văn Đ có ghi bà Hoàng Thị C, sinh năm 1934 là vợ và các con là Phạm Thị T , sinh năm 1954, Phạm Thị Ph, sinh năm 1959; Phạm Văn Tr, sinh năm 1960; Phạm Thị Đ, sinh năm 1964 và Phạm Văn Th, sinh năm 1967.

Căn cứ bản tự khai ngày 26/02/2021 của Bà Phạm Hoàng Mỹ L, Phạm Hoàng Ngọc Ln và Bà Nguyễn Thị Châu Ha và bà Ng đại diện xác định rõ ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1933 và bà Hoàng Thị C, sinh năm 1934 là ông Nội, bà Nội của bà L và bà Ln và ông Đ và bà C có 5 người con là Phạm Thị T , sinh năm

1954, Phạm Thị Ph, sinh năm 1959; Phạm Văn Tr, sinh năm 1960; Phạm Thị Đ, sinh năm 1964 và Phạm Văn Th, sinh năm 1967.

- Căn cứ vào bản sao giấy khai sinh số 398 ngày 27/4/2000 của Phòng tư pháp quận Gò Vấp cấp cho ông Phạm Văn Tr, sinh năm 1960; số 01232 ngày 07/4/2021 cấp cho Ông Phạm Văn Th, sinh năm 1967; số 00744 ngày 07/4/2021 cấp cho Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1964 ; số 253 ngày 19/4/2022 cấp cho Bà Phạm Thị Ph, sinh năm 1959 cho thấy Ông Tr, ông Th, bà P và bà Đ là con ông Đ và bà C.

Đối với khai sinh của bà Bà Phạm Thị T, sinh năm 1954, số định danh 079154013611, hộ khẩu thường trú : Số m (số cũ là q) đường V, Phường K, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh không có giấy khai sinh mặc dù Tòa án đã xác minh và trích lục khai sinh tại Ủy ban nhân dân Phường K và phường H; Phòng tư pháp quận Gò Vấp và Sở tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh và Tòa án đã xác minh tại nơi sinh của bà T là xã P, huyện L, tỉnh B và Ủy ban nhân dân huyện L và Sở Tư pháp tỉnh B (đến nay không trả lời) nhưng không có kết quả. Tòa án gửi công văn số: 105/TAQGV ngày 28/7/2022 đến Công an quận Gò Vấp yêu cầu xác minh và trích lục bản khai nhân khẩu và hộ khẩu gốc của Bà Phạm Thị T và của ông Phạm Văn Đ, bà Hoàng Thị C và trả lời xác minh của Công an quận Gò Vấp được biết tại bản tự khai NK1 ngày 11/9/1975 của ông Phạm Văn Đ có khai bà Hoàng Thị C, sinh năm 1934 là vợ và con của ông bà là Phạm Thị T , sinh năm 1954. Căn cứ vào giấy chứng nhận hộ khẩu thường trú số 160231 ngày 10/3/1982; hộ khẩu số 160231 ngày 13/02/1996 của Công an quận Gò Vấp cấp cho ông Phạm Văn Đ có ghi bà Hoàng Thị C, sinh năm 1934 là vợ và con là Phạm Thị T , sinh năm 1954 và tại bản tự khai NK1 ngày 17/6/1988(có chữ ký của ông Phạm Văn Tr là người viết hộ bà C) bà Hoàng Thị C khai: Chồng là Phạm Văn Đ, sinh năm 1933 và các con của ông bà là : Bà Phạm Thị T , sinh năm 1955(có sửa); Tại bản tự khai NK1 ngày 11/9/1976 của Bà Phạm Thị T, sinh năm 1954 thì có khai ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1933 là cha và bà Hoàng Thị C, sinh năm 1934 là mẹ. Do đó Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định Bà Phạm Thị T, sinh năm 1954 là con ruột của ông Phạm Văn Đ và bà Hoàng Thị C.

Từ những phân tích Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ Điều 651 BLDS năm 2015 xác định hàng thừa kế thứ nhất trong trường hợp thừa kế theo pháp luật bao gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết. Như vậy hàng thừa kế thứ nhất của ông Phạm Văn Đ và bà Hoàng Thị C là : Bà Phạm Thị T, Bà Phạm Thị Ph, Bà Phạm Thị Đ, Ông Phạm Văn Th, ông Phạm Văn Tr.

** Về hàng thừa kế thứ nhất của ông Phạm Văn Tr:*

-Căn cứ bản sao giấy khai tử do Ủy ban nhân dân phường H, quận Gò Vấp cấp số 95/2021/TLKT-BS ngày 25/01/2021 cho ông Phạm Văn Tr, sinh năm 1960 chết ngày 27/7/2017 và không để lại di chúc

- Căn cứ bản sao Giấy chứng nhận kết hôn số 16 do Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp cấp cho ông Phạm Văn Tr, sinh năm 1960 và Bà Nguyễn Thị Châu Ha, sinh năm 1965 cho thấy bà Ha là vợ của Ông Tr.

-Căn cứ bản sao giấy khai sinh số 212/87, quyển số 01/P13 do Ủy ban nhân dân phường Q, quận Gò Vấp cấp cho Bà Phạm Hoàng Mỹ L, sinh năm 1987 và bản sao giấy khai sinh số 24 do Ủy ban nhân dân phường Q, quận Gò Vấp cấp cho bà Phạm Hoàng Ngọc Ln, sinh năm 1990 cho thấy bà L và bà Ln là con ruột của ông Phạm Văn Tr và Bà Nguyễn Thị Châu Ha.

Như vậy căn cứ vào Điều 613 và Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về người thừa kế và hàng thừa kế, Hội đồng xét thấy bà Ha, bà L và bà Ln là hàng thừa kế thứ nhất của ông Phạm Văn Tr và Bà Nguyễn Thị Châu Ha, Bà Phạm Hoàng Mỹ L và Phạm Hoàng Ngọc Ln sẽ được hưởng phần di sản thừa kế của Ông Tr để lại tương đương 1/5 giá trị di sản nhà và đất mà Ông Tr được hưởng thừa kế từ cha mẹ.

Từ những phân tích Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ Điều 613 và Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015 về xác định người thừa kế và hàng thừa kế thứ nhất của ông Phạm Văn Đ và bà Hoàng Thị C là các con: Bà Phạm Thị T, Bà Phạm Thị Ph, Bà Phạm Thị Đ, Ông Phạm Văn Th, ông Phạm Văn Tr. Tuy nhiên do Ông Tr đã chết năm 2017 sau Bà C chết năm 2008 và ông Đ chết năm 2009 vì vậy những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của Ông Tr là bà Ha, bà L và bà Ln là người được hưởng phần di sản thừa kế của Ông Tr.

[2.4] *Phân chia di sản thừa kế của ông Phạm Văn Đ và bà Hoàng Thị C:*

Di sản thừa kế của ông Đ và bà C là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số y(số cũ là p) đường V, phường H, quận Gò Vấp.

Căn cứ Điều 650 và Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định những trường hợp thừa kế theo pháp luật và những người thừa kế theo pháp luật là hàng thừa kế thứ nhất của ông Đ và bà C bao gồm: Bà Phạm Thị T, Bà Phạm Thị Ph, Bà Phạm Thị Đ, Ông Phạm Văn Th, ông Phạm Văn Tr (chết 2017) là 5 người con của ông Đ và bà C.

- Bà Phạm Thị T, Bà Phạm Thị Ph, Bà Phạm Thị Đ, Ông Phạm Văn Th, ông Phạm Văn Tr mỗi kỹ phần thừa kế sẽ được hưởng 1/5 giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số y(số cũ là p) đường V, phường H, quận Gò Vấp.

- Tuy nhiên do Ông Tr đã chết vì vậy những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của Ông Tr là Bà Nguyễn Thị Châu Ha, Bà Phạm Hoàng Mỹ L và bà Phạm Hoàng Ngọc Ln là người được hưởng phần di sản thừa kế của Ông Tr. Do đó bà Ha, bà L và bà Ln hưởng 1/5 giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số y(số cũ là p) đường V, phường H, quận Gò Vấp.

Căn cứ Biên bản định giá ngày 30/12/2022 giá trị nhà và đất là: 16.849.275.843 đồng (*Bằng chữ: Mười sáu tỷ tám trăm bốn mươi chín triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn tám trăm bốn mươi ba đồng*).

Do đó, mỗi kỹ phần thừa kế được hưởng 1/5 giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số y(số cũ là p) đường V, phường H, quận Gò Vấp là: 16.849.275.843 đồng : 5 = 3.369.855.168 đồng.

-Bà Phạm Thị T, Bà Phạm Thị Ph, Bà Phạm Thị Đ, Ông Phạm Văn Th mỗi người được hưởng phần di sản thừa kế bằng 1/5 trị giá quyền sử dụng đất và tài

sản gắn liền với đất tại địa chỉ số y(số cũ là p) đường V, phường H, quận Gò Vấp do đó mỗi người được hưởng là 3.369.855.168 đồng.

Do Tòa án đã thực hiện thu thập chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn không xác định được địa chỉ của Bà Phạm Thị T và Bà Phạm Thị Đ nên căn cứ vào Án lệ số 06/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao thông qua ngày 06/4/2016 xác định phần tài sản thừa kế của những người vắng mặt không xác định được địa chỉ sẽ tạm giao cho những người sống trong nước quản lý để sau này giao lại cho những thừa kế vắng mặt. Hội đồng xét xử nhận thấy Ông Phạm Văn Th là người đồng thừa kế và hiện đang quản lý sử dụng di sản thừa kế nên tạm giao phần tài sản thừa kế của bà T và bà Đ cho ông Th.

-Bà Nguyễn Thị Châu Ha, Bà Phạm Hoàng Mỹ L và bà Phạm Hoàng Ngọc Ln được hưởng phần di sản thừa kế bằng 1/5 giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số y(số cũ là p) đường V, phường H, quận Gò Vấp là 3.369.855.168 đồng.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị H, Bà Phạm Thanh M, Ông Phạm Phú B không có đóng góp tôn tạo gì vào căn nhà thừa kế trên và cũng không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

-Do nguyên đơn không có yêu cầu được nhận nhà và Ông Phạm Văn Th cùng vợ và con là Bà Nguyễn Thị H, Bà Phạm Thanh M, Ông Phạm Phú B đang thực tế sử dụng căn nhà trên và nhằm giữ cho hiện trạng nhà được ổn định nên Hội đồng xét xử giao nhà cho Ông Phạm Văn Th, Bà Nguyễn Thị H, Bà Phạm Thanh M, Ông Phạm Phú B tiếp tục quản lý sử dụng cho đến khi Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản để chia cho các đồng thừa kế theo tỷ lệ nêu trên.

- Do không có đương sự nào trong vụ án yêu cầu được chia hay tính toán công sức cho việc quản lý di sản thừa kế cũng như là yêu cầu về các chi phí khác có liên quan đến di sản thừa kế nên căn cứ vào Án lệ số 05/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao thông qua ngày 06/4/2016 Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét công sức đóng góp về việc quản lý, tôn tạo di sản thừa kế. Dành quyền khởi kiện cho Ông Phạm Văn Th, Bà Nguyễn Thị H, Bà Phạm Thanh M, Ông Phạm Phú B bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

-Đối với việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu bổ sung khởi kiện ngày 05/01/2023 về yêu cầu chia tiền thuê nhà phát sinh từ căn nhà và yêu cầu nếu ông Th không tiếp tục sử dụng nhà nữa phải giao trả ngay cho các đồng thừa kế theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 06/5/2021. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này của nguyên đơn và hoàn trả lại tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn số tiền 16.640.000 đồng theo biên lai thu số 0028533 ngày 19/5/20221 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Nguyên đơn có quyền khởi kiện lại bằng một vụ án khác nếu nguyên đơn có yêu cầu theo trình tự quy định của pháp luật.

-Đối với số tiền tạm nộp xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ và định giá tài sản nguyên đơn tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ nộp án phí và án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

- Bà Nguyễn Thị Châu Ha, Bà Phạm Hoàng Mỹ L và bà Phạm Hoàng Ngọc Ln được hưởng 1/5 giá trị di sản thừa kế tương đương với số tiền 3.369.855.168 (*Ba tỷ ba trăm sáu mươi chín triệu tám trăm năm mươi lăm ngàn một trăm sáu mươi tám đồng*) nên phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 72.000.000 đồng + 1.369.855.168 x 2% = 99.397.103 (*Chín mươi chín triệu ba trăm chín mươi bảy ngàn một trăm lẻ ba đồng*) nhưng được khấu trừ vào biên lai tạm nộp án phí số 0027919 ngày 29/01/2021 là 56.500.000 đồng và biên lai tạm nộp án phí số 0028533 ngày 19/5/2021 là 16.640.000 đồng của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, tổng cộng là 73.140.000 (*Bảy mươi ba triệu một trăm bốn mươi ngàn đồng*). Do đó Bà Nguyễn Thị Châu Ha, Bà Phạm Hoàng Mỹ L và bà Phạm Hoàng Ngọc Ln còn phải nộp 26.257.103 (*Hai mươi sáu triệu hai trăm năm mươi bảy ngàn một trăm lẻ ba*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Phạm Thị T, Bà Phạm Thị Ph, Bà Phạm Thị Đ, Ông Phạm Văn Th mỗi người được hưởng phần di sản thừa kế bằng 1/5 trị giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số y(số cũ là p) đường V, phường H, quận Gò Vấp do đó mỗi người được hưởng tương đương số tiền là 3.369.855.168 (*Ba tỷ ba trăm sáu mươi chín triệu tám trăm năm mươi lăm ngàn một trăm sáu mươi tám đồng*) vì vậy Bà Phạm Thị T, Bà Phạm Thị Ph, Bà Phạm Thị Đ, Ông Phạm Văn Th mỗi người phải nộp 99.397.103 (*Chín mươi chín triệu ba trăm chín mươi bảy ngàn một trăm lẻ ba đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 5; khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 220; Điều 227; Điều 228; Điều 235; khoản 2 Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273 và Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 611; Điều 612; Điều 650; Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 6 của Nghị Quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về nộp đơn khởi kiện lại vụ án.

- Căn cứ Án lệ số 05/2016/AL và số 06/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao thông qua ngày 06/4/2016;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Bà Phạm Hoàng Mỹ L và bà Phạm Hoàng Ngọc Ln yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Phạm Văn Đ và bà Hoàng Thị C theo pháp luật.

2. Xác định căn nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ số y(số cũ là p) đường V, phường H, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc thửa đất số 60, tờ bản đồ số 55 theo Giấy chứng nhận số 9706/2003 do Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp cấp ngày 13 tháng 8 năm 2003 là di sản thừa kế của ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1933 và bà Hoàng Thị C, sinh năm 1934.

- Bà Phạm Thị T, Bà Phạm Thị Ph, Bà Phạm Thị Đ, Ông Phạm Văn Th mỗi người được hưởng thừa kế theo pháp luật bằng 1/5 trị giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số y(số cũ là p) đường V, phường H, quận Gò Vấp tương đương mỗi người được hưởng số tiền là 3.369.855.168 đồng (*Ba tỷ ba trăm sáu mươi chín triệu tám trăm năm mươi lăm ngàn một trăm sáu mươi tám đồng*). Tạm giao cho Ông Phạm Văn Th quản lý phân tài sản thừa kế của Bà Phạm Thị T và Bà Phạm Thị Đ.

- Bà Nguyễn Thị Châu Ha, Bà Phạm Hoàng Mỹ L và bà Phạm Hoàng Ngọc Ln được hưởng thừa kế theo pháp luật bằng 1/5 giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số y(số cũ là p) đường V, phường H, quận Gò Vấp tương đương với số tiền 3.369.855.168 (*Ba tỷ ba trăm sáu mươi chín triệu tám trăm năm mươi lăm ngàn một trăm sáu mươi tám đồng*).

- Đình chỉ đối với việc nguyên đơn khởi kiện bổ sung ngày 06/5/2021 về yêu cầu chia tiền thuê nhà phát sinh từ căn nhà thừa kế và yêu cầu nếu ông Th không tiếp tục sử dụng nhà nữa phải giao trả ngay cho các đồng thừa kế.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Các đương sự được hưởng di sản thừa kế có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản nhà và đất tại địa chỉ số y(số cũ là p) đường V, phường H, quận Gò Vấp thuộc thửa đất số 60, tờ bản đồ số 55 theo Giấy chứng nhận số 9706/2003 do Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp cấp ngày 13 tháng 8 năm 2003 là di sản thừa kế của ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1933 và bà Hoàng Thị C, sinh năm 1934 để chia theo tỷ lệ nêu trên.

- Ông Phạm Văn Th, Bà Nguyễn Thị H, Bà Phạm Thanh M, Ông Phạm Phú B tiếp tục quản lý sử dụng cho đến khi Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản để chia cho các đồng thừa kế theo tỷ lệ nêu trên.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Châu Ha, Bà Phạm Hoàng Mỹ L và bà Phạm Hoàng Ngọc Ln phải nộp 99.397.103 (*Chín mươi chín triệu ba trăm chín mươi bảy ngàn một trăm lẻ ba đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào biên lai tạm nộp án phí số 0027919 ngày 29/01/2021 là 56.500.000 đồng và biên lai tạm nộp án phí số 0028533 ngày 19/5/2021 là 16.640.000 đồng của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, tổng cộng là 73.140.000 (*Bảy mươi ba triệu một trăm bốn mươi ngàn đồng*). Do đó Bà Nguyễn Thị Châu Ha, Bà Phạm Hoàng Mỹ L và bà Phạm Hoàng Ngọc Ln còn phải nộp 26.257.103 (*Hai mươi sáu triệu hai trăm năm mươi bảy ngàn một trăm lẻ ba*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

-Bà Phạm Thị T, Bà Phạm Thị Ph, Bà Phạm Thị Đ, Ông Phạm Văn Th mỗi người nộp 99.397.103 (*Chín mươi chín triệu ba trăm chín mươi bảy ngàn một trăm lẻ ba đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

-Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận :

- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THA quận Gò Vấp;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)